

BIÊN BẢN

Xác nhận niêm yết công khai

Quyết toán ngân sách xã Đông Đạt năm 2022

Hôm nay, hồi *17* giờ ngày *18* tháng *7* năm *2023*, tại Phòng làm việc bộ phận 1 của UBND xã Đông Đạt gồm có:

1/ Ông: Trần Đình Bấy- Chủ tịch UBND xã

2/ Bà: Nguyễn Thị Kim Cúc - Kế toán.

3/ Bà Lê Thị Thu Trang – Công chức Văn phòng.

4/ Ông (bà): *Đoàn Xuân Hằng - Đông Nghệ 1* - Đại diện công dân

***/ Nội dung:** Xác nhận niêm yết công khai *Quyết toán ngân sách xã năm 2022*

với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: *Quyết toán số 183 ngày 18/7/2023*

- *Biểu số 116, 117, 118, 119, 120*

- *Thuyết minh báo cáo quyết toán 2022*

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: *19/7* đến hết ngày *18/8/2023*.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại bảng tin UBND xã Đông Đạt

Biên bản lập xong hồi *17h15* phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

lekyz
Lê Thị Thu Trang

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



[Signature]
ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Trần Đình Bấy

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ

[Signature]
Đoàn Xuân Hằng

[Signature]
Nguyễn Thị Kim Cúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỘNG ĐẠT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Số: 183/QĐ - UBND

Động Đạt, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỘNG ĐẠT

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Động Đạt, khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ sáu về việc thông qua quyết toán ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã Động Đạt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Động Đạt năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

Có thuyết minh báo cáo quyết toán và biểu 116, 117, 118, 119, 120 chi tiết kèm theo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, Ban tài chính xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định.

Nơi nhận:

- HĐND - UBND huyện PL;
- Phòng TCKH huyện;
- Đảng ủy, HĐND;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Trưởng xóm (19 xóm);
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đình Bầy

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND xã Động Đạt)

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Động Đạt là xã phía bắc của huyện Phú Lương cách trung tâm huyện 04 km, Phía đông giáp xã Yên Lạc, huyện Phú Lương; Phía tây giáp xã Phúc Lương, huyện Đại Từ; xã Hợp Thành, Phủ Lý, huyện Phú Lương; Phía nam giáp xã Phần Mễ, Thị trấn Đu, huyện Phú Lương; Phía bắc giáp xã Yên Đổ, huyện Phú Lương.

Diện tích tự nhiên: 3.572,32 ha, địa hình tương đối bằng phẳng so với huyện Phú Lương; núi đất thấp xen kẽ cánh đồng thấp dần từ tây Bắc xuống phía Đông nam độ dốc dưới 15^0 mang đặc điểm trung du miền núi bắc bộ; nhân dân trong xã chủ yếu là sản xuất Nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; xã có 08 dân tộc chính cùng chung sống: Kinh, Tày, Nùng, Sán diu, Sán chí, HMông, Dao, với 2.324 hộ và 9.700 nhân khẩu, tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm hơn 50%.

Xã có Di tích lịch sử cấp quốc gia là Đền Đuôm nơi thờ vị Anh hùng dân tộc Dương Tự Minh, hàng năm huyện Phú Lương tổ chức Lễ hội Đền Đuôm vào ngày 6 tháng giêng âm lịch.

Cuối năm 2021, thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sáp nhập xóm, xã Động Đạt thực hiện sáp nhập xóm Cây Hồng 1 và xóm Cây Thị thành xóm Thống Nhất. Năm 2022, xã Động Đạt còn 19 xóm, trong đó có 11 xóm loại 1, 07 xóm loại 2 và 01 xóm loại 3. Xóm Đồng Tâm là xóm đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

II. TÌNH HÌNH NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH CỦA XÃ

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số: 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Động Đạt, khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3 về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã Động Đạt năm 2022;

Thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã, UBND xã Động Đạt báo cáo quyết toán NSNN và các hoạt động tài chính khác năm 2022 như sau:

1. Thu Ngân sách xã

1.1 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã thực hiện đạt: 2.437.525.884 đ/ 357.000.000 đ Kế hoạch, bằng 104% so với thực hiện năm 2021; Thu cân đối trên địa bàn xã đạt 300.993.884 đ bằng 84.31% Kế hoạch huyện giao, gồm các chỉ tiêu cụ thể sau:

T	Nội dung	Kế hoạch		Thực hiện	% TH	
		KH huyện	HĐND xã giao		Huyện	Xã
I	THU CÂN ĐỐI	357.000.000	357.000.000	300.993.884	84.3	84.3
1	Thuế ngoài QD	150.000.000	150.000.000	102.504.413	68.3	68.3
-	<i>Thuế GTGT</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>	<i>102.504.413</i>	<i>68.3</i>	<i>68.3</i>
2	Thuế TNCN (1003)	75.000.000	75.000.000	63.261.757	84.4	84.4
3	Thuế SD đất phi NN	2.000.000	2.000.000	4.681.246	234.1	234.1
6	Phí lệ phí	80.000.000	80.000.000	102.247.070	127.8	127.8
	<i>Lệ phí chứng thực</i>	<i>55.000.000</i>	<i>55.000.000</i>	<i>78.047.070</i>	<i>141.9</i>	<i>141.9</i>
	<i>Phí Môn bài</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>	<i>24.200.000</i>	<i>96.8</i>	<i>96.8</i>
8	Thu khác	50.000.000	50.000.000	28.299.398	56.6	56.6
9	Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa			12.849.398		
II	Ghi thu qua NS quỹ ủng hộ covid			17.281.000		
III	Thu ủng hộ lắp đặt camera an ninh			149.700.000		
IV	Thu quản lý qua ngân sách			1.969.551.000		

Đánh giá công tác thu:

- Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy, HĐND xã và công tác điều hành sát sao của UBND xã trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội nhất là công tác thu ngân sách xã. Các chỉ tiêu thu ngoài quốc doanh và thuế TNCN được giao dự toán trên địa bàn xã giảm so với năm trước, kết quả thực hiện năm 2022 thu cân đối NSNN trên địa bàn xã đạt 84.31% KH huyện giao. Các chỉ tiêu thu phí lệ phí đạt cao, thuế phi nông nghiệp thu vượt dự toán do trên địa bàn phát sinh nhiều hoạt động tư pháp, chứng thực. Tuy nhiên còn một số chỉ tiêu đạt thấp như Thuế GTGT 68.34%, Thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 84.35%.

- Đối với chỉ tiêu thu khác: Nguồn thu chủ yếu dựa vào thu phạt vi phạm hành chính, và phạt an ninh trật tự, trong khi đó công tác An ninh trật tự được đảm bảo, các hành vi vi phạm ít xảy ra. Trong năm phát sinh khoản thu phạt ANTT là 16.950.000 đ, phạt vi phạm hành chính là 10.000.000 đ và thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là 12.800.000 đ, tuy nhiên nguồn thu phạt ANTT, ATGT do Trưởng công an xã ra quyết định xử phạt không được tính vào thu ngân sách xã mà

nộp về ngân sách trung ương. Đối với nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là đột biến, không thường xuyên do đó chỉ tiêu này không thu đạt kế hoạch.

*** Nguyên nhân:**

- Nguyên nhân khách quan: Do ảnh hưởng của đại dịch covid-19, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch covid-19, trong đó quy định miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-19 trong năm 2021 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định. Năm 2021 đã thực hiện thu các khoản trên do đó năm 2022 mới thực hiện miễn giảm thuế. Đặc biệt có một số hộ kinh doanh thay đổi hình thức thuế khoán sang kê khai nên nguồn thu thuế không thu đạt kế hoạch. Trong khi đó nhiều hộ kinh doanh tạm dừng hoặc không hoạt động. Đầu năm giao kế hoạch thu không loại trừ khoản thu phạt ANTT.

- Nguyên nhân chủ quan: Khi giao dự toán thu, cán bộ phụ trách địa bàn và đơn vị chưa tính toán hết và loại trừ những yếu tố ảnh hưởng đến thu ngân sách. Chưa có những biện pháp triệt để trong thu thuế các hộ phát sinh tăng trong năm (xây dựng, vận tải).

1.2. Thu cân đối ngân sách xã: Tổng thu 11.729.111.668 đồng/ 6.374.000.000 đồng , tăng 5.355.111.668 đồng so với dự toán huyện giao đầu năm và bằng 89.84 % so với thực hiện năm 2021

Trong đó:

a) Thu cân đối được điều tiết: 555.716.834 đ/612.000.000 đồng Kế hoạch, đạt 90.8 % kế hoạch huyện.

b) Thu kết dư ngân sách: 155.462.653 đồng

c) Thu quản lý qua ngân sách (thu đối ứng nhân dân): 1.969.551.000 đồng

d) Thu hồi các khoản chi năm trước: 87.026.738 đồng (Công trình Đường BT xóm Ao Trám giai đoạn 2014-2016, Nguồn cấp quyền SD đất)

e) Thu chuyển nguồn năm trước: 100.130.000 đồng

f) Ghi thu nguồn quỹ ủng hộ phòng chống covid: 17.281.000 đ

g) Thu ủng hộ lắp đặt camera an ninh: 149.700.000 đ

h) Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên: 8.590.343.443 đồng/ 5.762.000.000 đồng.

* Thu bổ sung cân đối: 5.774.540.000 đồng/5.762.000.000 đồng (tăng 12.540.000 đ bổ sung chế độ chính sách)

*.Thu bổ sung có mục tiêu: 2.919.703.443 đồng/0 đồng,

Bao gồm:

+ Kinh phí phụ cấp thú y viên	:	11.920.000	đồng
+ Kinh phí XD CB từ nguồn thu cấp QSD đất	:	150.000.000	đồng
+ Kinh phí thực hiện chế độ chờ nghỉ hưu NQ02	:	75.314.583	đồng
+ Kinh phí hỗ trợ cán bộ CCB nghỉ việc	:	5.162.250	đồng
+ Kinh phí NS tình hỗ trợ xi măng XD CB	:	628.421.400	đồng
+ Kinh phí vốn tài trợ Quy hoạch	:	90.826.810	đồng
+ Kinh phí thực hiện CTMTQG XD NTM	:	92.190.000	đồng
+ Kinh phí tham gia hội chợ môi xã ISP	:	6.000.000	đồng
+ Kinh phí thực hiện ATGT	:	15.000.000	đồng
+ Kinh phí CT MTQG XD NTM chi XD CB	:	1.002.000.000	đồng
+ Kinh phí CT MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	:	353.000.000	đồng
+ Kinh phí hỗ trợ thiệt hại do thiên tai	:	19.822.500	đồng
+ Kinh phí sự nghiệp môi trường chi XD CB	:	248.900.000	đồng
+ Kinh phí thực hiện chế độ chính sách (dôi dư, tăng định mức theo NQ HĐND tỉnh)	:	221.145.900	đồng

2. Chi ngân sách xã

Tổng chi ngân sách xã: **11.729.111.668** đồng/6.374.000.000 đồng, tăng 5.355.111.668 đồng so với dự toán đầu năm huyện giao, và bằng 90.9% so với quyết toán năm 2021.

Trong đó:

- Chi theo dự toán đầu năm : **6.234.256.834** đồng (tăng chi chế độ chính sách do luân chuyển điều động cán bộ 62.256.834 đ)
- Chi từ nguồn kết dư: **32.855.053** đồng (Chi hoạt động Đảng ủy và HĐND)
- Chi quản lý qua ngân sách: **1.969.551.000** đồng
- Ghi chi nguồn quỹ ủng hộ phòng chống covid-19: **28.020.000** đồng
- Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang : **71.130.000** đồng
- Chi dự phòng: **125.000.000** đồng
- Chi chuyển nguồn năm 2022 sang 2023: **73.349.970** đồng
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: **198.895.338** đồng
- Chi KP lắp đặt hệ thống camera giám sát từ nguồn thu ủng hộ: **126.249.500** đồng
- **Chi bổ sung có mục tiêu trong năm: 2.869.803.973** đồng/0 đồng

Bao gồm:

STT	Nội dung	Bổ sung (đ)	Thực hiện (đ)	So sánh (TH/BS) %

1	Kinh phí phụ cấp thú y viên	11.920.000	11.920.000	100
2	Kinh phí XD CB từ nguồn thu cấp QSD đất	150.000.000	150.000.000	100
3	Kinh phí thực hiện chế độ chờ nghỉ hưu NQ02	75.314.583	25.415.113	33,7
4	Kinh phí hỗ trợ cán bộ CCB nghỉ việc	5.162.250	5.162.250	100
5	Kinh phí NS tỉnh hỗ trợ xi măng XD CB	628.421.400	628.421.400	100
6	Kinh phí vốn tài trợ Quy hoạch	90.826.810	90.826.810	100
7	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD NTM	92.190.000	92.190.000	100
8	Kinh phí tham gia hội chợ mỗi xã ISP	6.000.000	6.000.000	100
9	Kinh phí thực hiện ATGT	15.000.000	15.000.000	100
10	Kinh phí CT MTQG XD NTM chi XD CB	1.002.000.000	1.002.000.000	100
11	Kinh phí CT MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	353.000.000	353.000.000	100
12	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại do thiên tai	19.822.500	19.822.500	100
13	Kinh phí sự nghiệp môi trường chi XD CB	248.900.000	248.900.000	100
14	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách (đôi dư, tăng định mức theo NQ HĐND tỉnh)	221.145.900	221.145.900	100
	Tổng cộng	2.919.703.443	2.869.803.973	98,3

2.1. Chi đầu tư: 4.193.799.210 đồng

Chi từ nguồn thu tiền cấp QSD đất: 150.000.000 đồng

- Cải tạo cảnh quan môi trường khu trung tâm UBND xã Động Đạt: 150.000.000 đ

Chi từ nguồn ngân sách tỉnh (xi măng): 628.421.400 đồng

- Cải tạo nâng cấp đường GTNT xóm Đồng Nghè 2 xã Động Đạt: 220.980.000 đ
- Đường BT xóm Khe Nác-2021: 95.529.400 đ
- Đường BT xóm Đồng Chăm-2021: 210.185.000 đ
- Đường BT xóm Làng Ngòi-2021 (GĐ2): 101.727.000 đ

Chi từ nguồn CT MTQG xây dựng NTM: 1.002.000.000 đ (NSTW)

- Cải tạo cảnh quan môi trường khu trung tâm UBND xã Động Đạt: 718.000.000 đ
- Cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Động Đạt, huyện Phú Lương: 225.000.000 đ
- Cải tạo trung tâm học tập cộng đồng xã Động Đạt: 59.000.000 đ

Chi từ nguồn CT MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN: 353.000.000 đ

- Bể chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp xóm Đồng Tâm, xã Động Đạt- NSTW: 321.000.000 đ
- Bể chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp xóm Đồng Tâm, xã Động Đạt- NS tỉnh: 32.000.000 đ

Chi từ nguồn khác (đối ứng và tài trợ): 2.060.377.810 đồng

- Đường BT xóm Đồng Chăm-2021: 175.000.000 đ
- Đường BT xóm Làng Ngòi-2021 (GĐ2): 150.000.000 đ
- Đường bê tông từ quốc lộ 3 vào cụm dân cư Khe Cạn đến đường bê tông xóm Đồng Niêng: 90.100.000 đ
- Đường BT xóm Ao Sen- 2022: 302.951.000 đ
- Đường BT xóm Cộng Hòa- 2022: 200.000.000 đ
- Đường BT xóm Làng Ngòi- 2022: 113.000.000 đ
- Đường BT xóm Làng Chảo- 2022: 179.500.000 đ
- Đường BT xóm Làng Mạ- 2022: 299.000.000 đ
- Đường BT xóm Đồng Nghè 2- 2022: 310.000.000 đ
- Đường BT xóm Vườn Thông- 2022: 150.000.000 đ
- Điều chỉnh quy hoạch chung Quy hoạch chung xã Động Đạt. huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: 90.826.810 đ

*** Đánh giá công tác chi xây dựng cơ bản.**

Đối với công tác quyết toán các công trình xây dựng cơ bản tồn đọng các năm trước, tổng số công trình chưa thẩm định quyết toán đầu năm 2022 là 09 công trình, tính đến nay đã thực hiện 07 công trình đã được thẩm định quyết toán xong,

- Đối với công tác giải ngân, Tổng số vốn đã được phân bổ năm 2022 thanh toán cho các công trình là: 4.193.799.210 đồng so với quyết toán năm trước (5.250.198.700 đ) bằng 79.9% trong đó:

Ngân sách nhà nước: 2.133.421.400 đồng

Vốn dân góp và nguồn tài trợ: 2.060.377.810 đồng

- Tổng số nợ vốn đầu tư xây dựng đối với các công trình đã có phê duyệt quyết toán đến thời điểm hiện tại là : 577.000.000 đồng trong đó :

+ Ngân sách nhà nước : 577.000.000 đồng

- Tổng số nợ vốn đầu tư xây dựng đối với các công trình chưa phê duyệt quyết toán đến thời điểm hiện tại là : 59.000.000 đồng trong đó :

+ Ngân sách nhà nước : 59.000.000 đồng

Đối với các công trình được đầu tư xây dựng năm 2022: xã Động Đạt có 08 hạng mục công trình được đầu tư năm 2022 từ nguồn vốn xi măng, các công trình thi công xong, hiện đang tiến hành đắp lè để nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. 01 công trình xây dựng từ sự nghiệp môi trường chuyển tiếp năm 2021 sang, 01 dự án Cải tạo cảnh quan môi trường khu trung tâm UBND xã Động Đạt từ nguồn Ngân sách nhà nước đã thi công hoàn thành và quyết toán trong năm.

Đối với các dự án năm trước chuyển sang còn theo dõi công nợ có 01 dự án bồi thường giải phóng mặt bằng Trường MN Đồng Nghè 1 chưa thanh toán là 319 triệu đồng.

Năm 2022 đã nhập phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư pabmis về công tác giải ngân đã lên đúng số liệu theo biểu mẫu báo cáo Thông tư 96.

2.2. Chi thường xuyên

Tổng chi 7.263.067.150đ/6.172.000.000đồng, đạt 117.68% KH và tăng 1.091.067.150 đ so với dự toán, và bằng 97.69% so với quyết toán năm 2021, bao gồm các khoản chi như sau:

- Chi bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán: 645.555.763 đồng
- + *Kinh phí sự nghiệp môi trường: Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xóm Đồng Nghè 1: 248.900.000 đ*
- + *Kinh phí Phụ cấp thú y viên: 11.920.000 đ*
- + *Kinh phí thực hiện CTMTQG XD NTM: 92.190.000 đ*
- + *Kinh phí tham gia hội chợ mỗi xã ISP: 6.000.000 đ*
- + *Kinh phí thực hiện ATGT: 15.000.000 đ*
- + *Kinh phí hỗ trợ cán bộ CCB nghỉ việc: 5.162.250 đ*
- + *KP thực hiện chế độ chính sách (dôi dư, tăng định mức) : 221.145.900 đ*
- + *KP hỗ trợ thiệt hại do thiên tai: 19.822.500 đ*
- + *Kinh phí thực hiện chế độ chờ nghỉ hưu NQ02: 25.415.113 đ/ 75.314.583 đ*
- Chi kết dư năm 2021: 32.855.053 đ (Chi khen thưởng và tổng kết công tác Đảng: 30.050.000 đ + Chi kinh phí họp HDND xã kỳ họp thứ 5: 2.805.053 đ)
- Chi đảm bảo chế độ chính sách từ nguồn thu điều tiết: 62.256.834 đ
- Chi chuyên nguồn năm trước chuyển sang: 71.130.000 đ (chi chế độ lương, phụ cấp cho cán bộ nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo NQ 02/2018)
- Ghi chi quỹ ủng hộ phòng chống covid-19 (mua vật tư y tế phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh covid-19): 28.020.000 đ
- Chi kinh phí lắp đặt hệ thống camera an ninh từ nguồn thu ủng hộ: 126.249.500 đ
- Chi dự phòng: 125.000.000 đ
- + Chi Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (gia công biển cảnh báo lũ lụt, vật tư phòng chống cho BCD): 23.068.220 đ
- + Chi công tác phòng chống dịch bệnh covid-19: 95.903.200 đ
- + Chi công tác an ninh (Mua bình phòng cháy chữa cháy phục vụ công tác tập huấn): 6.028.580 đ

* Đánh giá công tác chi thường xuyên:

Năm 2022 chi ngân sách cơ bản đảm bảo chi theo kế hoạch và nhiệm vụ đề ra, chi lương, phụ cấp và hoạt động theo đúng kế hoạch đầu năm được phân bổ, các khoản bổ sung trong năm được phân bổ kịp thời, đúng đối tượng và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Đầu năm ngân sách là đỉnh điểm của dịch bệnh covid-19 nên kinh phí tập trung chi cho công tác phòng chống dịch bệnh, đến cuối năm mới bổ sung dự phòng. Các chế độ chính sách, các khoản hỗ trợ được bổ sung nhiều như chế độ trợ cấp 1 lần công an viên, chế độ tăng định mức hoạt động theo Nghị quyết 13,15 của HĐND tỉnh; Chi hỗ trợ

thiệt hại do thiên tai, chi đầu tư xây dựng từ nguồn sự nghiệp môi trường; chi kinh phí ATGT...

Chi quản lý nhà nước gặp khó khăn do khi phân bổ kế hoạch đầu năm chi đảm bảo chi chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm cho CBCCC, hệ số lương cao, trong năm có nhiều CBCCC được tăng lương trước hạn và thường xuyên. Chế độ chính sách theo Nghị quyết 07/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Đối với kinh phí hoạt động của UBND xã trong năm phát sinh nhiều như: hỗ trợ đại hội các hội đặc thù, hỗ trợ Đại hội TDĐT, công tác tuyên truyền, đảm bảo an ninh và công tác phòng chống dịch bệnh covid-19...

Chi cho Công an và Quân sự đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát sinh.

Chi cho UBMTTQ xã và các đoàn thể đảm bảo chi đúng định mức, chế độ và dự toán được giao.

2.3. Chi chuyển nguồn: 73.349.970 đồng

- Nguồn thu ủng hộ lắp đặt hệ thống camera an ninh: 23.450.500 đ
- Nguồn thực hiện chế độ lương cho cán bộ chờ nghỉ hưu theo Nghị quyết 02/2018 : 49.899.470 đ

2.4. Chi hoàn trả ngân sách huyện: 198.895.338 đồng

- Nguồn KP Kinh phí CT MTQG XD NTM thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu sản xuất nông nghiệp tập trung : 104.587.560 đ
- Nguồn Kinh phí tiền đất công trình GPMB khu trung tâm xã Động Đạt năm 2020: 761.040 đ
- Nguồn Kinh phí tiền đất công trình Đường BT xóm Ao Trám giai đoạn 2014-2016: 87.026.738 đ
- Nguồn Kinh phí CT MTQG xây dựng NTM công trình Kênh mương xóm Làng Chảo gđ 2 (chi năm 2017 ngân sách tỉnh): 6.520.000 đ

3. Xác định kết dư ngân sách năm 2022

- Tổng thu ngân sách xã: 11.729.111.668 đồng
- Tổng chi ngân sách xã : 11.729.111.668 đồng
- Kết dư ngân sách: 0 đồng.

4. Các quỹ công chuyên dùng, khoản thu hộ chi hộ

a. Các quỹ công chuyên dùng:

Nội dung	Tồn đầu kỳ	Tăng	Giảm	Tồn cuối kỳ
1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	14.614.700	29.520.000	40.370.000	3.764.700
2. Quỹ Bảo trợ trẻ em	21.517.230	30.610.000	30.450.000	21.677.230
3. Quỹ Người cao tuổi	15.354.000	15.490.000	15.050.000	15.794.000
4. Quỹ Vì nạn nhân CĐ da cam	40.011.000	29.750.000	12.100.000	57.661.000
5. Quỹ Khuyến học	9.362.000	11.233.000	9.200.000	11.395.000

6. Quỹ Nhân đạo	40.465.000	30.510.000	22.000.000	48.975.000
7. Quỹ Vì người nghèo	66.230.000	33.968.000	41.280.000	58.918.000
Tổng cộng	207.553.930	181.081.000	170.450.000	218.184.930

Trong năm 2022 MTTQ xã đã triển khai công tác vận động thu các loại quỹ công chuyên dùng trên tới các xóm và được các xóm tuyên truyền, vận động nhân dân thu nộp các loại quỹ theo Kế hoạch đã đề ra, UBND xã thu nộp quản lý tốt các quỹ theo quy định.

b. Chi hộ:

Nội dung	Dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Thù lao đại lý BHXH, BHYT (bao gồm cả thoái thu BH cho các đối tượng)	3.683.459	24.598.346	27.718.585	563.220
2. Thu tiền hoàn trả CP xây lắp Đường BT xóm Ao Trám 2014-2016 theo KL thanh tra		87.026.738	87.026.738	
Cộng	3.683.459	111.625.084	114.745.323	563.220

c. Thu hộ

Thực hiện Kế hoạch số 1453/UBND-TCKH ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về việc thu, nộp Quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2022. UBND xã Động Đạt đã thực hiện kế hoạch với tổng số tiền thu được là: 23.299.000 đồng. Đơn vị đã chuyển nộp lên Phòng TCKH số tiền: 22.134.000 đ, và chi trả tiền công đi thu nộp, số tiền: 1.165.000 đồng.

5. Tình hình mua sắm TSCĐ:

Được theo dõi trên hệ thống phần mềm quản lý tài sản nhà nước, trong năm đơn vị đã thực hiện mua sắm TSCĐ theo kế hoạch, thực hiện mua TSCĐ là 02 bộ máy tính xách tay trị giá 27.500.000 đ, 02 máy scan phục vụ công tác Cải cách hành chính trị giá 19.700.000 đ, và lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn xã từ nguồn ủng hộ của các tổ chức, cá nhân là 100.754.500 đ. Trong năm đơn vị tiếp nhận 01 bộ máy vi tính để bàn từ UBND huyện là 11.440.000 đ. Tháng 10/2022 UBND xã Động Đạt được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu trung tâm trụ sở UBND xã, theo đó diện tích đất trên giấy CN giảm 421,1M², nguyên giá tài sản đất trụ sở giảm còn 15.495.600.000 đ. Công tác quản lý Tài sản công theo đúng quy định của nhà nước.

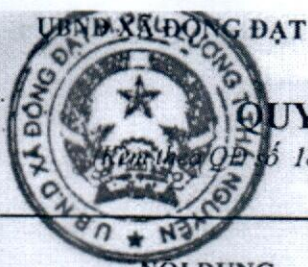


CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Kế hoạch) theo QĐ số 183/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND xã Động Đạt

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	11.729.111.668	TỔNG SỐ CHI	11.729.111.668
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.317.055.808	I. Chi đầu tư phát triển	4.193.796.210
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	462.219.764	II. Chi thường xuyên	7.263.070.150
III. Thu bổ sung	8.694.243.443	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	73.349.970
- Bổ sung cân đối	5.774.540.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.919.703.443		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	155.462.653	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	198.895.338
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	100.130.000		
Kết dư ngân sách			0



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Kiểm theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND xã Đông Đạt)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	357.000	6.374.000	300.993	11.729.111	84.31	184.01
I	Các khoản thu 100%	130.000	130.000	130.546	2.341.256	100.42	1800.97
	Phí, lệ phí	80.000	80.000	102.247	102.247	127.81	127.81
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	0	0		0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				0		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				2.136.532		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	50.000	50.000	28.299	15.450	56.60	30.90
	Thu hồi các khoản chi năm trước				87.027		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	227.000	482.000	170.447	438.019	75.09	90.88
1	Các khoản thu phân chia	2.000	61.000	4.681	95.214	234.05	156.09
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	2.000	4.681	28.380	234.05	1419.00
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			0	0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	0	0	0		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		59.000	0	66.834		113.28
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	225.000	421.000	165.766	342.805	73.67	81.43
	Thuế Thu nhập cá nhân	75.000	271.000	63.262	240.301	84.35	88.67
	Thuế GTGT	150.000	150.000	102.504	102.504	68.34	68.34
	...						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				100.130		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				155.463		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.762.000		8.694.243		150.89
	- Thu bổ sung cân đối		5.762.000		5.774.540		100.22
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0		2.919.703		



Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 183/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND xã Động Đạt)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/Đ/T (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.374.000	0	6.374.000	11.729.111	4.193.799	7.535.312	184.01		118.22
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin				0					
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0					
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	22.500	0	22.500	100.00		100.00
7	Chi bảo vệ môi trường				0					
8	Chi các hoạt động kinh tế				3.199.872	2.950.972	248.900			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.087.459		6.087.459	8.177.997	1.242.827	6.935.170	134.34		113.93
10	Chi cho công tác xã hội	62.041		62.041	56.497		56.497	91.06		91.06
11	Chi khác	77.000		77.000	198.895	0	198.895	258.31		258.31
12	Dự phòng	125.000		125.000	0		0	0.00		0.00
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0	0		73.350		73.350			



QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022
(Kèm theo QĐ số 183/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND xã Động Đạt)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12...	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Giá trị đã thanh toán năm 2022	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		9.261.177	3.138.233	9.009.655	4.193.799	1.237.421	2.133.421	2.060.378
1. Công trình chuyển tiếp		4.181.423	882.739	4.128.901	1.328.248	1.237.421	912.421	415.827
Đường bê tông xóm Đồng Chằm - 2021	2021	743.552	524.364	732.863	385.185	385.185	210.185	175.000
Đường bê tông xóm Láng Ngòi - 2021 gđ 2	2021	289.934	108.207	289.934	251.727	251.727	101.727	150.000
Cải tạo trung tâm học tập cộng đồng xã Động Đạt	2018	503.768		503.768	59.000	59.000	59.000	-
Cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Động Đạt	2018	676.163		670.660	225.000	225.000	225.000	
Đường bê tông xóm Khe Nác - 2021	2021	363.058	250.168	356.265	95.529	95.529	95.529	
Cải tạo nâng cấp đường GTNT xóm Đồng Nghè 2 xã Động Đạt	2021-2022	1.242.537		1.213.000	220.980	220.980	220.980	
Điều chỉnh quy hoạch chung Quy hoạch chung xã Động Đạt, huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	2021	362.411		362.411	90.827			90.827
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>								
2. Công trình khởi công mới		5.079.754	2.255.494	4.880.754	2.865.551	-	1.221.000	1.644.551
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>		4.561.754	2.255.494	4.518.754	2.512.551	-	868.000	1.644.551

Cải tạo cảnh quan môi trường khu trung tâm UBND xã Động Đạt	2022	1.000.000		957.000	868.000		868.000	
Công trình đường BT xóm Làng Ngòi - 2022	2022	208.020	131.880	208.020	113.000			113.000
Công trình Đường BT xóm Đồng Nghè 2- 2022	2022	693.689	439.754	693.689	310.000			310.000
Công trình đường BT xóm Cộng Hòa -2022	2022	360.832	228.667	360.832	200.000	-		200.000
Công trình đường BT xóm Làng Chảo- 2022	2022	343.256	218.921	343.256	179.500			179.500
Công trình đường BT xóm Làng Mạ -2022	2022	652.758	413.808	652.758	299.000			299.000
Công trình đường BT xóm Vườn Thông - 2022	2022	384.868	244.063	384.868	150.000			150.000
Công trình Đường BT xóm Ao Sen- 2022	2022	693.689	439.754	693.689	302.951			302.951
Đường bê tông từ quốc lộ 3 vào cụm dân cư Khe Cạn đến đường bê tông xóm Đồng Niêng	2022	224.642	138.647	224.642	90.100			90.100
Trong đó: Chuyển sang năm sau		518.000	-	362.000	353.000	-	353.000	-
Bể chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp xóm Đồng Tâm, xã Động Đạt	2022-2023	518.000		362.000	353.000		353.000	-



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

Kèm theo QĐ số 183/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND xã Đông Đạt)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG CỘNG	175.700	135.200	40.500	204.380	193.749	10.631
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	175.700	135.200	40.500	204.380	193.749	10.631
- Quỹ Vì nạn nhân chất độc da cam	30.500	25.000	5.500	29.750	12.100	17.650
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30.500	20.000	10.500	29.520	40.370	-10.850
- Quỹ bảo trợ trẻ em	30.000	30.000	0	30.610	30.450	160
- Quỹ vì người nghèo	30.100	22.000	8.100	33.968	41.280	-7.312
- Quỹ Nhân đạo	30.500	13.000	17.500	30.510	22.000	8.510
- Quỹ Khuyến Học	9.100	9.200	-100	11.233	9.200	2.033
- Quỹ Người cao tuổi	15.000	16.000	-1.000	15.490	15.050	440
- Quỹ Phòng chống thiên tai				23.299	23.299	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi